

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 576/2019/KDTM-PT
Ngày: 19/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo
Ông Lê Công Toại

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 145/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1984/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3358/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Trụ sở: số 02 đường H, phường H1, quận H2, TP.Hà Nội – Chi nhánh TB;
Địa chỉ: Số 1200 đường L, phường L1, quận L2, TP.HCM; Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Lam G (Giấy ủy quyền số 517/GUQ ngày 27/3/2019)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Đinh Thị Bích H – Văn phòng luật sư Sài Gòn T – thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV;

Địa chỉ: Số 180/32 đường T, phường T1, quận T2, TP.HCM; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Tường V – Giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm có:

1. Bà Trương Thị Tường V, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM;

Chỗ ở: Số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM.

2. Ông Lê Hùng S, sinh năm: 1959 (Vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM.

4. Bà Trương Thị L; Địa chỉ: Số 141/6/5/50 đường B (số mới 1/2/48B đường Q), phường Q1, quận Q2, TP.HCM (Vắng mặt);

5. Bà Đặng Thị Như N, sinh năm 1953(Có mặt);

6. Ông Trương Văn T, sinh năm 1951(Vắng mặt);

7. Ông Trương Văn N, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

8. Bà Trương Thị H, sinh năm 1973 (Đã chết ngày 24/01/2019);

9. Bà Trương Thị Như T, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

10. Bà Trương Thị Như T, sinh năm 1986 (Có mặt);

11. Anh Trương Minh N, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

12. Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

13. Bà Đặng Thị Hoa M, sinh năm 1957 (Vắng mặt);

14. Bà Trương Thị S, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

15. Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

16. Bà Trương Thị Hồng Đ, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

17. Ông Phạm Văn , sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Cùng trú: Số 77/8A đường M, phường M1, quận Tân Bình, TP.HCM.

18. Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

19. Ông Song Minh P, sinh năm 1974(Vắng mặt);

20. Cháu Song Minh T, sinh năm 2002 do bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1968 là người đại diện hợp pháp (Vắng mặt);

21. Chị Trần Nhánh U, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

22. Anh Trần Bảo D, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Cùng tạm trú: Số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM.

23. Ông Nguyễn Mạnh G, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 652/55/8 đường G, phường G1, quận G2, TP.HCM.

Người kháng cáo: Bà Trương Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2013; Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A (có ông Hoàng Lam G đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201000248 ngày 31/3/2010 , Ngân hàng A (gọi tắt là A) cho Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV (gọi tắt là công ty QV) vay số tiền là 5.800.000.000 đồng và USD 1.350.000 theo các giấy nhận nợ sau:

STT	Ngày giải ngân	Số giải ngân	Số tiền	Hạn trả
1	30/11/2010	1901-	USD 500.000	30/11/2011

		LDS201002020		
2	30/11/2010	1901- LDS201002021	2.000.000.000 VNĐ	30/11/2011
3	30/12/2010	1901- LDS201002208	1.510.000.000 VNĐ	31/12/2011
4	30/1/2011	1901- LDS201100173	2.290.000.000 VNĐ	01/02/2012
5	30/1/2011	1901- LDS201100174	USD 850.000	01/02/2010
		TỔNG CỘNG	5.800.000.000 VNĐ và USD 1.350.000	

- Mục đích vay: Mua nguyên liệu may mặc làm hàng xuất khẩu.
- Lãi suất tiền vay: Khi ký hợp đồng là 12%/năm đối với VNĐ và 5.8%/năm đối với USD áp dụng trong tháng đầu tiên. Các tháng tiếp theo được áp dụng mức lãi suất do các bên thỏa thuận. Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn.

- Phương pháp trả lãi: 03 tháng/01 lần từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng.

- Phương pháp trả gốc: Theo thời hạn ghi trên giấy nợ.

- Tài sản thế chấp:

1. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-02 ngày 01/4/2010.

2. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số Số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-03 ngày 01/4/2010.

3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số Số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-01 ngày 01/4/2010.

4. Quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại Lô L5 KCN S, Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-04 ngày 01/4/2010.

Theo quy định trong Hợp đồng tín dụng trên thì Công ty QV có nghĩa vụ trả nợ lãi vào ngày 28/02/2011 và trả nợ gốc vào ngày 30/11/2011. Tuy nhiên, Công ty QV không thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu rút lại đề nghị phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại Lô L5 KCN S, Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901LAV201000248/TC-04 ngày 01/04/2010.

Yêu cầu Công ty QV Thanh toán cho Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 12/7/2018 như sau:

- Nợ gốc: 5.800.000.000 đồng và USD 1.350.000

- Nợ lãi trong hạn: 6.042.240.556 đồng và USD 668.660

- Nợ quá quá hạn: 3.414.294.024 đồng và USD 289.616

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 15.256.534.583 đồng và USD 2.308.276

Công ty QV có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh sau ngày 12/8/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, Công ty QV vẫn không thanh toán toàn bộ số nợ trên, Ngân hàng đề nghị Tòa án cho phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt trình bày như sau:

- Bà Đặng Thị Như N đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Thị Như T trình bày như sau:

* Bà Trương Thị H là con gái của bà và bà H có cho bà Trương Thị Tường V vay theo Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm số 01397/HĐ-VTKBPBĐ ngày 13/7/2011 và Giấy bán nhà (viết tay) ngày 19/01/2012 nên bà V có giao chìa khóa cho gia đình bà H và tất cả những người trong gia đình bà vào ở, sau đó bà H có sửa chữa nhà (theo hợp đồng xây dựng ngày 25/3/2012). Bà Tường V kêu gia đình bà H vào ở tại căn nhà này và sau khi bà V đi du lịch về sẽ sang tên căn nhà số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM lại cho bà Hậu nhưng đến nay bà V không đến tòa. Nay căn nhà này là nơi sinh sống của cả gia đình, hiện nay bà H đang mắc nhiều bệnh xin Tòa án cứu xét vì nếu Ngân hàng phát mãi căn nhà trên thì bà sẽ khởi kiện theo giấy bán nhà (viết tay) ngày 19/01/2012 và Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm số 010397/HĐ-VTKBPBĐ ngày 13/7/2011 đối với bị đơn là bà Trương Thị Tường V. Cả gia đình bà gồm 14 người đang sinh sống trong căn nhà số 77/8A đường M, phường M1, quận M2, TP.HCM đến nay đã được 06 năm. Khi cho vào ở bà Trương Thị Tường V không có báo tình trạng nhà đang thế chấp Ngân hàng mà bà V còn viết giấy tay bán căn nhà trên cho bà để cần trừ số tiền vay hơn 20 tỷ trước đó (theo hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm – có lập vi bằng ngày 13/7/2011).

- Tại đơn khiếu nại nộp cho Tòa án vào ngày 21/11/2018 bà Trương Thị H trình bày như sau: Bà và ông Trương Văn T (là cha của bà) đã nhiều lần bỏ tiền để sửa chữa căn nhà số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM, hiện nay ông Ty đang bị bệnh nặng, không nhận thức được. Nay bà yêu cầu giám định ông Trương Văn T bị mất năng lực hành vi dân sự và xem xét việc gia đình bà đã bỏ tiền ra sửa chữa căn nhà trên.

* Ông Nguyễn Mạnh G trình bày như sau: Ông có ký Hợp đồng ủy quyền quản lý sử dụng căn nhà số 30-32 đường P ngày 17/10/2016 và Hợp đồng thuê căn nhà số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM ngày 01/11/2016 (Hợp đồng viết tay) với bà Trương Thị Tường V. Sau khi thuê nhà vào năm 2016 ông có sửa chữa lại, ngăn phòng (ông sẽ cung cấp giấy tờ về việc sửa chữa sau) để cho bà T thuê lại (có làm hợp đồng với bà T). Khi ký hợp đồng với bà Trương Thị Tường V thì bà V có nói Giấy tờ nhà hiện nay bà đang thế chấp ở Ngân hàng để vay tiền. Nay Ngân hàng yêu cầu phát mãi căn nhà số 30-32 đường P để thu hồi nợ đối với Công ty QV do bà Trương Thị Tường V là Giám đốc thì ông có ý kiến là ông xin được tiếp tục hợp đồng thuê nhà cho đến ngày hết hạn hợp đồng (tháng 12/2019) cho bà T, nếu có phát mãi thì ông yêu cầu chủ mới tiếp tục tạo điều kiện cho ông hoàn thành xong hợp đồng thuê để thu hồi vốn.

* Bà Nguyễn Kim T trình bày như sau: Bà có ký hợp đồng thuê căn nhà số Số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM với ông Nguyễn Mạnh G vào ngày 10/12/2016 theo Hợp đồng thuê ngày 10/12/2016 để kinh doanh vào năm 2016, sau khi thuê nhà bà có sửa chữa, đầu tư khoản hơn 200 triệu đồng, khi sửa chữa bà có báo lại cho ông Nguyễn Mạnh G (bà sẽ cung cấp giấy tờ về việc sửa chữa sau). Nay Ngân hàng yêu cầu phát mãi căn nhà số 30-32 đường P để thu hồi nợ đối với Công ty QV do bà Trương Thị Tường V là Giám đốc thì bà trình bày là bản thân bà không biết việc thế chấp cho ngân hàng của căn nhà này, nay bà yêu cầu được tiếp tục hoạt động kinh doanh cho đến khi hết thời hạn thuê nhà trong hợp đồng (tháng 12/2019) để đảm bảo việc kinh doanh của bà.

* Bà Phan Thị Thanh T trình bày: Vào năm 2005 bà và Trương Thị Tường V có giao dịch thỏa thuận cho bà thuê căn nhà số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM. Trong thời gian đó bà có cho bà V mượn một số tiền và hai bên thỏa thuận trừ tiền thuê nhà, mỗi tháng tiền trừ là 6.000.000 đồng. Cho đến nay bà V cũng không thực hiện lời hứa và không trả lại tiền cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa giải quyết về số tiền bà V đã mượn của bà trước khi Ngân hàng cầm cố căn nhà này. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, không có nhà ở, trong thời gian bà ở tại căn nhà này thì bà có bỏ ra một số tiền để sửa chữa nên bà yêu cầu Tòa án xem xét lại giá trị của căn nhà tại thời điểm bà V cầm cố căn nhà cho Ngân hàng để phát mãi theo đúng quy định của Nhà nước.

* Do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án vắng mặt, không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm :

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Lam G nộp các bản tự khai gồm có: Các bản khai chi tiết về tính gốc, lãi; bản giá trị quy đổi ngoại tệ tính đến ngày 30/11/2018 và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh G: Vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã nộp bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lời trình bày nào khác.

+ Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 145/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 85; khoản 1 Điều 147; Điều 177; Điều 178; Điều 179; Điều 186; khoản 1 Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 267; Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL – UBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A – Chi nhánh TB:

- Buộc Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV thanh toán cho Ngân hàng A - Chi nhánh TB số nợ của Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201000248 và Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1901-LAV-201000248/HMTD ký cùng ngày 31/3/2010 theo các giấy nhận nợ số 1901-LDS201002020 ngày 31/12/2010; số 1901-LDS201002021 ngày 30/11/2010; số 1901-LDS201002208 ngày 31/12/2010; số 1901-LDS201100173 ngày 30/01/2011; số 1901-LDS201100174 ngày 30/01/2011, tính đến ngày 30/11/2018 tổng cộng số tiền là 63.721.307.760 (sáu mươi ba tỷ bảy trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm sáu mươi) đồng theo bảng chi tiết nợ gốc và lãi bao gồm:

* Nợ gốc chưa thanh toán bao gồm: 5.800.000.000 đồng + USD 1.350.000.00 quy đổi thành VNĐ là 31.536.000.000 đồng (theo tỷ giá ngày 30/11/2018 thì 1 USD = 23.360 VNĐ).

- Tổng nợ gốc (đã quy đổi) là: 37.336.000.000 đồng

* Nợ lãi chưa thanh toán bao gồm:

- Tiền lãi VNĐ: Lãi trong hạn: 5.392.025.556 đồng; lãi quá hạn: 2.458.658.569 đồng = 7.850.684.125 đồng.

- Tiền lãi USD: Lãi trong hạn: USD 558.410,69; lãi quá hạn: USD 234.445,62 = USD 792.856,32 quy đổi thành VNĐ là: 18.521.123.635 đồng (theo tỷ giá ngày 30/11/2018 thì 1 USD = 23.360 VNĐ),

- Tổng nợ lãi là: 26.371.807.760 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2018 là: 63.721.307.760 (sáu mươi ba tỷ bảy trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm sáu mươi) đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Riêng nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201000248 và Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1901-LAV-201000248/HMTD ký cùng ngày 31/3/2010 mà các bên đã ký kết.

* Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV không trả số nợ trên thì Ngân hàng A – Chi nhánh TB có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi số nợ trên, các tài sản mà Công ty QV đã thế chấp bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-02 ngày 01/4/2010, ký tại Phòng Công chứng Nhà nước số 6 – Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng ký thế chấp.

2. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số Số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901/LAV-201000248/TC-03 ngày 01/4/2010, ký tại Phòng Công chứng Nhà nước Số 6 – Thành phố Hồ Chí Minh và đã đăng ký thế chấp.

3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-01 ngày 01/4/2010, ký tại Phòng Công chứng Nhà nước Số 6 – Thành phố Hồ Chí Minh và đã đăng ký thế chấp.

* Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng A - Chi nhánh TB thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại bản chính các giấy tờ: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM cho bà Trương Thị Tường V và ông Lê Hùng S là bên đã thế chấp các giấy tờ trên cho Ngân hàng.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 12 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị H có đơn kháng cáo bản án số 145/2018/DTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng với lý do: Tòa án Tân Phú gửi giấy triệu tập để tham dự phiên tòa thông báo cho gia đình bà biết thời gian xét xử là vào lúc 14 giờ ngày 30/11/2018 tại trụ sở tòa án nhưng đúng ngày giờ, gia đình bà H đến tòa thì thư ký báo vụ án đã xét xử vào buổi sáng. Do Tòa xử không đúng giờ theo giấy triệu tập nên gia đình bà không được tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến.

Mặt khác trong quá trình chờ tòa giải quyết vụ kiện, bà H có làm đơn khiếu nại về hành vi tố tụng của chủ tọa nhưng chưa có kết quả giải quyết khiếu nại mà tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử là vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Bà Đặng Thị Như N trình bày:* Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử, con gái bà là Trương Thị H đã làm đơn kháng cáo bản án. Bà H bệnh chết ngày 24/01/2019. Bà H có cha là ông Trương Văn T, mẹ là Đặng Thị Như N và hai con ruột là Bùi Thanh T (sinh năm 1995) và Phạm Quỳnh Thiên K (sinh năm 2008). Bà H có chồng là ông Phạm Phi H đã ly hôn theo bản án số 50/2013/HNGĐ-ST ngày 31/5/2013 của Tòa án quận Tân Bình. Nay tại tòa bà N đại diện cho những người thừa kế của bà H vẫn giữ nguyên kháng cáo của bà H, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm xét xử lại để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho gia đình bà.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các giao dịch vay tiền hoặc mua bán nhà giấy tay nếu có giữa bà V và bà H thực hiện sau thời điểm căn nhà đã được bà V thế chấp cho Ngân hàng

hợp lệ, bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện việc đóng tiền án phí nên tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét là đúng qui định. Do đó đề nghị tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty QV có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2018 tổng số tiền nợ gốc và lãi là 63.707.808.000 đồng chứ không phải là số tiền 63.721.307.760 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Hậu là không có cơ sở, Đề nghị hội đồng xét xử sửa lại phần tiền do bản án sơ thẩm đã tính toán sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Xét bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Theo qui định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Căn cứ Trích lục khai tử số 09/TLKT ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình thì người kháng cáo là bà Trương Thị H đã chết ngày 24/01/2019. Do đó căn cứ Khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 tòa án xác định bà Đặng Thị Như N (sinh năm 1953), ông Trương Văn T (sinh năm 1951), ông Bùi Thanh T (sinh năm 1995) là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị H, tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị Như N thay mặt cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị H trình bày yêu cầu kháng cáo.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Trương Thị H cho rằng: Tòa án nhân dân quận Tân Phú gửi giấy triệu tập thông báo cho gia đình bà biết thời gian mở phiên tòa là 13 giờ 30 ngày 30/11/2018 nhưng lại mở phiên tòa sơ thẩm vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 30/11/2018 nên bà và gia đình bà đã không có mặt để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ các BL số 74, BL 598, BL 599 thì Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định Hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đặng Thị Như N, ông Trương Văn T, ông Trương Văn N, bà Trương Thị H, bà Trương Thị Như T, bà Trương Thị Như T, ông Trương Minh N, ông Bùi Anh T, bà Đặng Thị Hoa M, bà Trương Thị S, bà Huỳnh Thị Mỹ L, bà Trương Thị Hồng Đ, ông Phạm Văn B. Như vậy, bà H và những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan trên đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2018/QĐ-PT ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Tại Quyết định Hoãn phiên tòa thể hiện “ Phiên tòa sẽ được mở lại vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 30/11/2018, tại Phòng xử dân sự Tòa án nhân dân quận Tân Phú”. Ngoài ra, tại biên bản tổng đạt lúc 10 giờ 00 phút ngày 14/11/2018 (bút lục 518) đã thể hiện việc Tổng đạt trực tiếp Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 30/11/ 2018 (Biên bản này thể hiện bà Đặng Thị Như N đại diện gia đình vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 14/11/2018 nhận và cam kết giao cho các thành viên của gia đình). Như vậy, việc người kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân quận Tân Phú không tổng đạt Quyết định Hoãn phiên tòa cho gia đình bà Hậu là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét kháng cáo của người kháng cáo cho rằng bà H đã có yêu cầu độc lập yêu cầu bà V phải trả nợ và yêu cầu tòa xem xét việc gia đình bà H đã sửa chữa căn nhà số 77/8A đường M nhưng tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ và ghi nhận lời khai cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Đặng Thị Như N, Trương Văn T, Trương Văn N, Trương Thị H, Trương Thị Như T, Trương Thị Như T, Trương Minh N, Bùi Thanh T, Đặng Thị Hoa M, Trương Thị S, Huỳnh Thị Mỹ L, Trương Thị Hồng Đ, Phạm Văn B là những người đang tạm trú tại nhà số 77/8A đường M, Phường M1, quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà H, bà N và những đương sự khác không có yêu cầu độc lập cụ thể trước khi tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng Dân sự và không thực hiện việc đóng tiền án phí theo qui định nên tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết. Mặt khác, bà H kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết đơn khiếu nại của bà đã mang vụ án ra xét xử là không có cơ sở vì tại Thông báo số 23/2018/TB-GQĐKN ngày 26/11/2018 Chánh án Tòa án quận Tân Phú đã ban hành Thông báo về việc giải quyết đơn khiếu nại cho bà H nên tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vào ngày 30/11/2018 là đúng qui định.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-201000248/TC-02 ngày 01/4/2010 thế chấp nhà và quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ 77/8A Hẻm A1 đường C (nay là 77/8A đường M), Phường M1, quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1901-LAV-201000248/HMTD ngày 31/3/2010 đã được chứng nhận thế chấp tại phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 5634 quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2010 và đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên môi trường Quận Tân Bình ngày 02/4/2010. Xét hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã thực hiện đúng theo Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-07-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn không thanh toán nợ nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 và phù hợp với nội dung thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ

nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H có bà Đặng Thị Như N là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về việc không đồng ý cho nguyên đơn được phát mãi căn nhà tại địa chỉ 77/8A Hẻm A1 đường C (nay là 77/8A đường M), Phường M1, quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày do tòa án cấp sơ thẩm tính toán sai về số liệu nên yêu cầu sửa án sơ thẩm về số tiền Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2018 (của Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1901-LAV-201000248/HMTD và Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201000248 ký cùng ngày 31/3/2010) tổng số tiền nợ gốc và lãi là **63.707.808.000 đồng** (sáu mươi ba tỷ bảy trăm lẻ bảy ngàn tám trăm lẻ tám ngàn đồng) chứ không phải là số tiền 63.721.307.760 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, và việc tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là Ngân hàng A – Chi nhánh Tân Bình là không đúng mà phải xác định nguyên đơn là Ngân hàng A. Do đó cần sửa lại một phần bản án sơ thẩm cho chính xác.

Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

I/ Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 145/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 85; khoản 1 Điều 147; Điều 177; Điều 178; Điều 179; Điều 186; khoản 1 Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 267; Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A :

- Buộc Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2018 (của Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1901-LAV-

201000248/HMTD và Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201000248 ký cùng ngày 31/3/2010), cụ thể như sau:

1/ Nợ gốc chưa thanh toán là 5.800.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 5.392.025.556 đồng.

- Nợ lãi quá hạn : 2.458. 658.569 đồng.

2/ Nợ gốc chưa thanh toán là 1.350.000 USD.

- Nợ lãi trong hạn: 558.410,69 USD

- Nợ lãi quá hạn: 234.445,62 USD

Tổng cộng gốc và lãi của khoản vay USD là 2.142.856,31 USD (Quy đổi theo tỷ giá ngày 30/11/2018 thì 1 USD = 23.360 VNĐ). Tổng cộng là 50.057.123.402 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi của hai khoản vay trên tính đến ngày 30/11/2018 là: **63.707.808.000 đồng** (sáu mươi ba tỷ bảy trăm lẻ bảy ngàn tám trăm lẻ tám ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201000248 và Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1901-LAV-201000248/HMTD ký cùng ngày 31/3/2010.

Đến hạn nếu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số nợ trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ bao gồm:

1. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 77/8 hẻm A1 đường C (nay là 77/8A đường M), Phường M1, quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 10730/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/2000, theo hợp đồng thế chấp số 1901-LAV-201000248/TC-02 ngày 01/4/2010, được chứng nhận tại phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 5634 quyền số 4 ngày 01/4/2010 và đăng ký thế chấp tại phòng Tài nguyên và môi trường Quận Tân Bình ngày 02/4/2010 .

2. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 170562 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/5/2016, theo hợp đồng thế chấp số 1901-LAV-201000248/TC-03 ngày 01/4/2010, được chứng nhận tại phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 5635 quyền số 4 ngày 01/4/2010 và đăng ký thế chấp tại phòng Tài nguyên và môi trường quận Bình Thạnh ngày 02/4/2010 .

3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 5346/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2004, theo hợp đồng thế chấp số 1901-LAV-

201000248/TC-01 ngày 01/4/2010, được chứng nhận tại phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 5636 quyển số 4 ngày 01/4/2010 và đăng ký thế chấp tại phòng Tài nguyên và môi trường quận Tân Phú ngày 05/4/2010.

Sau khi thanh toán hết nợ thì Ngân hàng A có nghĩa vụ hoàn trả lại bản chính các giấy tờ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 30-32 đường P, phường P1, quận P2, TP.HCM; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 77/8A1 đường C (nay là 77/8A đường M), phường M1, quận M2, TP.HCM; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 692/20 (số cũ là 552/18) đường X, phường X1, quận X2, TP.HCM cho bà Trương Thị Tường V và ông Lê Hùng S là bên đã thế chấp các giấy tờ trên cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu May mặc QV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 171.708.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 06797 ngày 13/5/2013 và 56.367.000 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo Biên lai thu số 06795 ngày 13/5/2013 của Chi cục thi hành án quận Tân Phú cho Ngân hàng A .

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0012255 ngày 18/12/2018 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0012496 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Chinh

